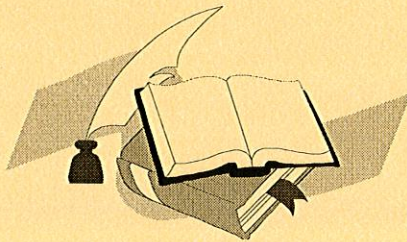




**CÔNG TY CP XÂY LẬP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM (MECOFOOD)
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

(Phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)



Long An, ngày 16 tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1.1. Thông tin khái quát.....	1
1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:	2
1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:	2
1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty	2
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2
1.3.1. Mô hình quản trị	2
1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý	3
1.4. Định hướng phát triển.....	4
1.5. Các rủi ro	4
II Tình hình hoạt động trong năm.....	5
2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.....	5
2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:.....	5
2.1.2- Mặt hàng lương thực:	6
2.2. Tổ chức và nhân sự.....	7
2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty	7
2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:	7
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	8
2.4. Tình hình tài chính:	8
2.4.1 Tình hình tài chính.....	8
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:	9
2.5. Cơ cấu cổ đông	9
2.5.1. Cổ phần.....	9
2.5.2. Cơ cấu cổ đông	9
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	10
(báo cáo phát triển bền vững)	10
2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	10
2.6.2. Tiêu thụ năng lượng.....	11
2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020).....	11
2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	11
2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động	15
2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	15
III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc	16
3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.	19
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	19
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:.....	19
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	20
5.1. Hội đồng quản trị.....	20
a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT	20
b. Hoạt động của HĐQT:.....	21
c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.....	22
5.2. Ban kiểm soát	22
5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:	22

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát	22
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/BanKiểm soát.....	23
a. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):.....	23
b. Giao dịch của cổ đông nội bộ:.....	23
VI. Báo cáo tài chính	23
6.1. Kiểm toán độc lập.....	23
Vấn đề khác	24
6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	24

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Construction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 07 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 107.778.380.000 đồng
- Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân an, tỉnh Long an.
- Số điện thoại: 02723.820509
- Số Fax: 02723.521252
- Email: info@mecofood.com.vn
- Website: www.mecofood.com.vn
- Mã cổ phiếu: MCF

- Quá trình hình thành và phát triển

+ Những sự kiện quan trọng:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD.

Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Năm 2011, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm hoạt động với vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14/02/2011 với mã chứng khoán là MCF.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch năm 2011: lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

Ngày 4/4/2018 tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 11/06/2018 vốn điều lệ công ty tăng từ 80.000.000.000 đồng lên 107.778.380.000 đồng và thực hiện niêm yết bổ sung lên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:

1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sậy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1.3.1. Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc công ty, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 01 thành viên độc lập.

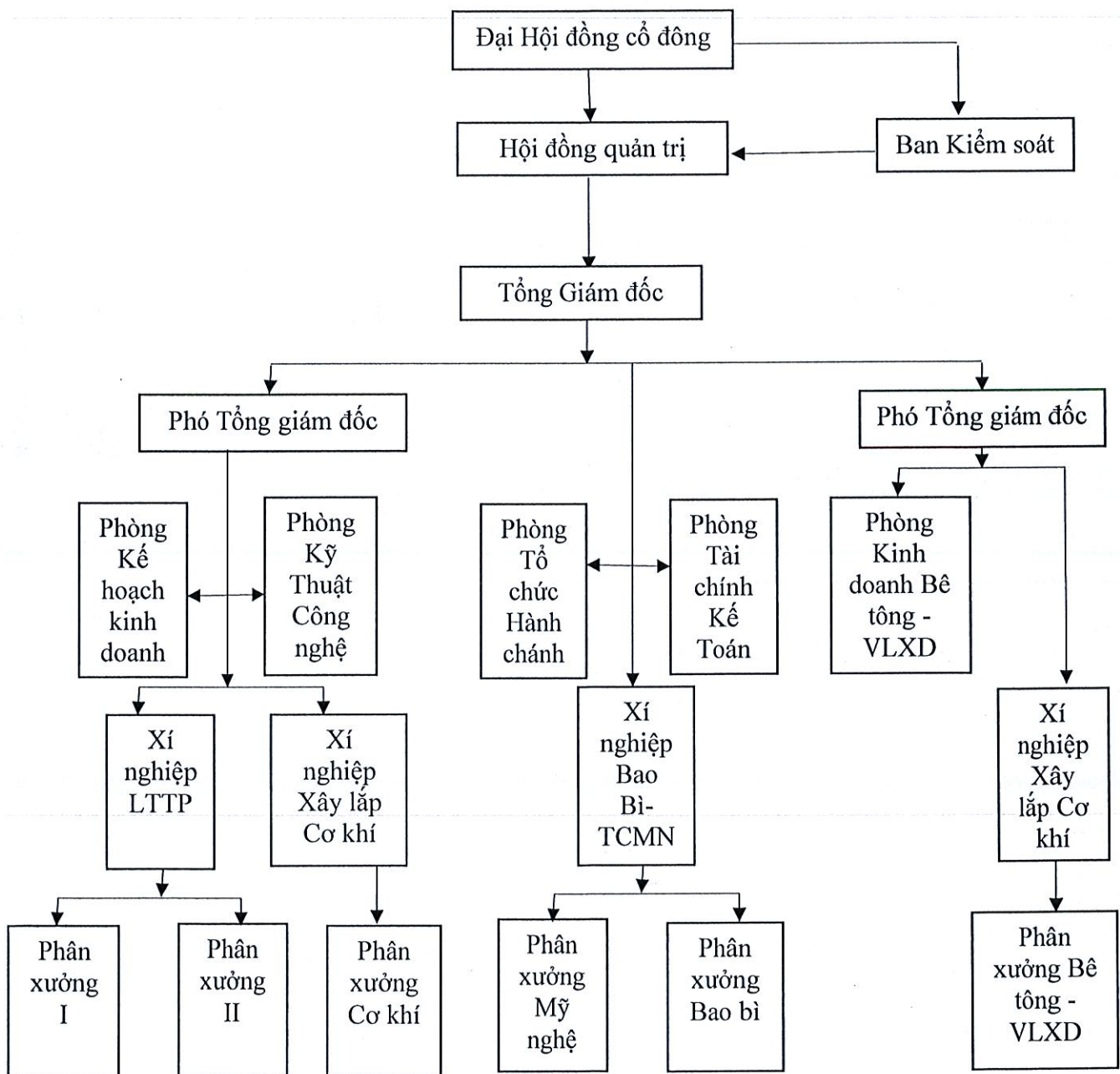
Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực

của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



1.4. Định hướng phát triển

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, củng cố thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2020, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

1.5. Các rủi ro

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khác hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

II Tình hình hoạt động trong năm

2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức do tình hình dịch bệnh Covid-19 nhưng với sự quyết tâm và đoàn kết gắn bó, khắc phục khó khăn Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với kết quả đạt được cụ thể như sau:

2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:

STT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2020			So cùng kỳ 2019 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm (%)	
I	Mua vào					
1	- Lương thực (quy gạo)	Tấn	31.000	36.124	116,53	128,07
II	Bán ra					
1	-Lương thực bán ra Trong đó: + Xuất khẩu + Gạo Nội địa	Tấn Tấn Tấn	31.000 7.000 24.000	38.294 4.076 34.218	123,53	156,49
2	-Bao bì	1000 cái	11.000	7.998	72,71	83,01
3	-Cơ khí	Ti đồng	25	16,437	65,75	49,36
4	-Bê tông - VLXD	m3	75.000	60.522	97,92	97,92
5	-Mỹ nghệ	Cont	24	23,5	100	82,76

-Đánh giá từng mặt hàng

2.1.2- Mặt hàng lương thực:

Đối với xuất khẩu: Trong năm 2020 sản lượng gạo xuất khẩu đạt 58,23% (4.076 tấn/7.000 tấn) so với kế hoạch và đạt 63,96% (4.076 tấn/6.373 tấn) so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân do trong năm 2020 tình hình kinh doanh xuất khẩu lương thực diễn ra rất phức tạp, Công ty không có nhận được chỉ tiêu từ hợp đồng tập trung, sản lượng gạo xuất khẩu trực tiếp do Công ty tự khai thác có giá trị thấp.

Đối với tiêu thụ nội địa: Sản lượng gạo nội địa bán ra trong năm 2020 đạt 142,58 % (34.218/24.000 tấn) so với kế hoạch và đạt 189,07% (34.218/18.098 tấn) so với cùng kỳ. Sản lượng bán ra tăng cao vượt xa so với kế hoạch đề ra, góp phần giúp ngành Lương thực là ngành hàng mang lại hiệu quả lớn cho Công ty trong năm 2020.

2.1.3- Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:

a)- Mặt hàng Bao bì:

Bán ra được: 7,998 triệu chiếc, đạt 72,71% so KH và đạt 83,01% so với 2019.

Trong năm 2020 ngành hàng Bao bì kinh doanh không đạt về sản lượng và doanh thu theo kế hoạch đề ra, nguyên nhân do chịu sự cạnh tranh gay gắt về thị trường và giá bán của các Công ty cùng ngành nghề và phụ thuộc nhiều vào tình hình xuất khẩu gạo trong nước.

b)- Mặt hàng Mỹ nghệ:

- Xuất khẩu được: 23,5 Con't, đạt 97,92% so KH năm và đạt 97,92% so 2019.

Mặt hàng này khó tăng sản lượng do đặc thù riêng là sản xuất chủ yếu bằng thủ công, theo thời vụ nên Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trong thu tuyển và đào tạo tay nghề cho người lao động. Trong năm 2020 ngành hàng Mỹ nghệ sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần mang lại lợi nhuận chung cho toàn Công ty.

Nhìn chung năm 2020, mặt hàng Bao bì nhờ Công ty chọn thời điểm mua vào hạt nhựa với giá tốt; Mỹ nghệ do đàm phán tăng được giá bán và quản trị tốt giá thành sản xuất nên cả hai mặt hàng đều có hiệu quả, góp phần mang lại lợi nhuận chung cho toàn Công ty.

2.1.4- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:

a)- Mặt hàng Cơ khí :

- Doanh thu: 16,437 tỷ đồng, đạt 65,75% so với kế hoạch năm 2020 và đạt 49,36% so với năm 2019.

Trong năm 2020 tình hình sản xuất kinh doanh ngành hàng Cơ khí gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh, công tác đầu tư mua sắm thiết bị của các doanh nghiệp rất hạn chế, chủ yếu sửa chữa nhỏ và thực hiện các công trình có giá trị thấp, mục tiêu là tạo công ăn việc làm để giữ chân người lao động chờ thời cơ để phát triển ngành khi có công trình lớn. Dự báo trong năm 2021 ngành Cơ khí của Công ty sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

b)- Mặt hàng Bê tông - VLXD:

- Tiêu thụ được: 60.521m³, đạt 80.69% so KH năm và đạt 99,21% so với năm 2019.

Mặt hàng Bê tông tươi năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tình dịch bệnh Covid-19 các công trình dân dụng và công nghiệp hạn chế đầu tư, ngoài ra còn chịu sự cạnh tranh gay gắt về thị trường tiêu thụ và giá bán, việc cấm tải đối với một số tuyến đường và thiếu phương tiện để phục vụ cho các công trình nông thôn cũng gây khó khăn không nhỏ trong việc tăng sản lượng tiêu thụ bê tông. Mặc dù không đạt được kế hoạch trong năm 2020 (60.521m³/78.000m³) nhưng đây là ngành hành mang lại lợi nhuận lớn góp phần vào lợi nhuận chung của toàn Công ty. Bên cạnh đó mặt hàng gạch không nung từng bước cũng tăng được sản lượng bán ra và bắt đầu có hiệu quả.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

+ Công ty gồm 5 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán, phòng Kinh doanh Bê Tông và phòng Tổ chức Hành chính), 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì & Thủ công Mỹ nghệ).

2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:

*** Ông: Nguyễn Văn Kiệt**

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964
- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

*** Ông Lê Trường Sơn**

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1963
- Địa chỉ thường trú: 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Ông: Nguyễn Bình Hiền**

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964
- Địa chỉ thường trú: 8/80 QL1A, Nhơn Phú, P.5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

*** Bà : Nguyễn Thị Hoài**

- Ngày tháng năm sinh: 03/01/1980

- Địa chỉ thường trú: Phòng 506 F5 Khu tập thể VPPHH – 190 Lò Đúc - Phường Đông Mác, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổ trưởng tổ đại diện vốn Tổng công ty Lương thực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Ông Võ Hùng Dũng**

- Ngày tháng năm sinh: 6/12/1979

- Địa chỉ thường trú: S2, KDC Gò Đen, ấp 4, xã Phước Lợi, Bến Lức, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Ông Nguyễn Văn Cho**

- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1967

- Địa chỉ thường trú: 195D, Châu Thị Kim, P.7, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

*** Bà Trần Thị Phượng**

- Ngày tháng năm sinh: 1965

- Địa chỉ thường trú: 83/10 Cử Luyện P5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện trong năm 2020: 6.193.976.103 đồng , cụ thể:

* Xí nghiệp Lương Thực Thực Phẩm : 4.136.535.057 đồng

- Máy tách màu và thiết bị phụ trợ: 1.617.944.073 đồng

- Bồn chứa thành phẩm và cân đóng bao: 1.054.310.332 đồng

- Nâng nền kho: 1.396.280.652 đồng

- Máy in date: 95.000.000 đồng

* Xí nghiệp Bao bì & TCMN : 151.406.779 đồng

- Máy sấy lúa non : 151.406.779 đồng

* Xí nghiệp Xây Lắp Cơ khí : 1.879.034.267 đồng

- Bờ kè: 1.198.125.176 đồng

- Xe cuốc: 680.909.091 đồng

2.4. Tình hình tài chính:

2.4.1 Tình hình tài chính

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	181,107	158,150	-12,68
Doanh thu thuần	416,713	546,808	31,22
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,651	11,392	-2,22
Lợi nhuận khác	1,169	1,883	61,08
Lợi nhuận trước thuế	12,820	13,275	3,55
Lợi nhuận sau thuế	10,225	10,470	2,40
Tỉ lệ chia cổ tức	6,8%/VĐL	Dự kiến 7%/VĐL	2,94

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,10	2,87	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,64	1,13	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	34,38	24,05	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	48,85	31,67	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,44	6,31	
+ Vòng quay tổng tài sản	2,34	3,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,45	1,91	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	5,65	8,72	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	8,60	6,62	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	2,80	2,08	

2.5. Cơ cấu cổ đông

2.5.1. Cổ phần

- Tên Cổ phiếu: MCF
- Tổng số cổ phiếu thường : 10.777.838 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.777.838 cổ phiếu
- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2020 dự kiến 7% trên vốn điều lệ 107.778.380.000 đồng.

2.5.2. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.
- Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (6.466.800CP),

Cổ đông lớn AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited) 754,653 chiếm 7% cổ đông là thể nhân, khác nắm giữ 33% vốn điều lệ (3.556.385CP). Mệnh giá 10.000 đồng/CP.

- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:

Cổ đông lớn là tổ chức:

+ Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần (Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 6.466.800 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.

+ AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited), địa chỉ : 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman KY1-9007, Cayman Islands là cổ đông nắm giữ 754,653 CP chiếm 7% vốn điều lệ

+ Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (báo cáo phát triển bền vững)

2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty:

- Nguyên, nhiên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Hạt nhựa nguyên sinh	755,1	Tấn
2	Lúa tươi	1.471,873	Tấn
3	Taical, hạt màu	256,345	Tấn
4	Rơm khô	154,952	Tấn
5	Dầu nhớt	8.460	Lít

- Nguyên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Sắt	83	Tấn
2	Đá	47.192	M ³
3	Cát	39.122	m ³
4	Xi măng	19.480	Tấn
5	Dầu nhớt	4.668	lít

- Nguyên vật liệu chính dùng cho quá trình sản xuất gạo là gạo nguyên liệu khoảng 48.0000 tấn/ năm

Nhiên liệu sử dụng chính trong sản xuất gạo là dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt sử dụng khoảng 100 lít/ năm.

b. Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm

+ Ngành hàng bao bì: Sản phẩm bao bì dệt lổ, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng mỹ nghệ: Nguyên liệu chủ yếu là rơm khô và lúa tươi, nguyên liệu dư thừa sản phẩm hỏng được gom lại bán cho các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD: Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng lương thực: Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.

2.6.2. Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2020 công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 3.149.121 kw/năm

2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020)

a. Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp với lưu lượng sử dụng trong năm 2020 là khoảng 1.082m³/năm.

b. Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 13.800 m³/năm. chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hằng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

c. Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 1.855 m³/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hàng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường và các quy định Pháp Luật hiện hành. Hàng năm Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường tiến hành đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tại các Xí nghiệp trực thuộc Công ty để kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những thiếu sót và tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, tìm ra các giải pháp nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm.

a. Bụi, khí thải

Lượng bụi và khí thải phát tán trong các Xí nghiệp ảnh hưởng nhiều đến công suất và sức khỏe của công nhân. Do đó, Công ty đã hạn chế tới mức thấp nhất các tác động của bụi đối với công nhân sản xuất và bảo đảm sức khỏe công nhân bằng các biện

pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng theo đúng quy định nhà công nghiệp, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.
- Lắp đặt các hệ thống thông gió phù hợp cho nhà xưởng.
- Công nhân được trang bị bảo hộ lao động như: Bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che, nón bảo hộ...
- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên để hạn chế phát sinh bệnh nghề nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.
- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.
- Các phương tiện giao thông khi lưu thông trong Xí nghiệp phải giảm tốc độ theo quy định và phải được che phủ cẩn thận.

b. Tiếng ồn, độ rung

Mặc dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động sản xuất của Công ty không nhiều, nhưng Công ty vẫn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức gây ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách riêng khu vực sản xuất với văn phòng.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy trong quá trình hoạt động, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn, đặc biệt đối với những bộ phận truyền động.
- Trong trường hợp máy móc có bộ phận rơ mòn, sẽ được nhân viên kỹ thuật thay thế và sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên đo đạc giám sát độ ồn của máy móc thiết bị để có biện pháp thay thế khắc phục kịp thời.
- Đúc móng máy đủ khối lượng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn chi tiết, thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

c. Các biện pháp khống chế nhiệt thừa

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và đảm bảo điều kiện vi khí hậu tốt cho công nhân đứng máy, các Xí nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng mát đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với loại hình công nghệ sản xuất.
- Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất hoặc dùng quạt gió trực đứng để gia tăng vận tốc gió cục bộ trong phân xưởng.
- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty (đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu 15% tổng diện tích mặt bằng).
- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế thấp nhất các tác hại đối với công nhân. Các trang phục này bao gồm quần áo và phương tiện bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn).

Tóm lại, việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải tạo môi trường vi khí hậu là một công tác khá quan trọng. Tình trạng xấu của môi trường vi khí hậu không chỉ ảnh hưởng tới công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng tới cường độ lao động của người công nhân sản xuất: điều kiện lao động nóng, bụi không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe mà còn ảnh hưởng tới năng suất lao động của họ.

d. Biện pháp khống chế ô nhiễm do nước thải

Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt

Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiểu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hố ga sau đó thoát ra cống thoát chung.

Nước thải sản xuất

Do đặc trưng của ngành nghề sản xuất nên hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh lượng nước vệ sinh phân xưởng, tuy nhiên lượng nước thải này rất ít và phát sinh không thường xuyên, ngoại trừ ngành hàng sản xuất bê tông tươi của Công ty có phát sinh nước thải sản xuất nhưng được xử lý bằng hệ

thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

e. Biện pháp khống chế ô nhiễm do chất thải rắn

Đối với chất thải rắn thông thường

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý sau:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:

+ Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai..)

+ Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau, thực phẩm dư thừa...được phân loại riêng để thu gom xử lý theo quy định. Các chất thải rắn khác không thể tái sử dụng được thu gom, quét dọn hằng ngày và lưu trữ đúng quy định;

- Công ty đã thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho tất cả các nhân viên, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường để thực hiện;

- Công ty đã đặt các thùng rác tại các khuôn viên xung quanh Công ty, tránh được tình trạng vứt rác bừa bãi;

Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với chất thải rắn sản xuất

Trong thời gian hoạt động xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp để quản lý đối với chất thải rắn sản xuất như sau:

+ Rìu bao, dây nilon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.

+ Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tỉa sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt

- Đối với chất thải rắn nguy hại:

Hình thức lưu trữ: Lưu trữ trong các thùng chứa kín có nắp đậy, gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với chất thải khác.

Do khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại Công ty với khối lượng rất ít. Riêng đối với lượng bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, Công ty sẽ tiến hành thu gom riêng, lưu trữ nơi riêng biệt có dán nhãn và định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý theo đúng quy định.

f. Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.

- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 5 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.

- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.

Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân:

- Toàn thể công nhân được học tập về an toàn lao động.

- Trang bị các dụng cụ an toàn lao động cho công nhân khi vận hành đặt biệt như: sửa chữa, bảo trì các thiết bị.

- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.

- Không chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.

2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

+ Tổng số CNV lao động là 366 người.

+ Mức lương trung bình năm 2020 của Công ty là 7,791 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp Bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, ATVSTP, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài công tác tập trung sản xuất kinh doanh trong năm 2020 Công ty luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động. Các đoàn thể đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình và nhiệm vụ chính trị của Công ty như: tổ chức thực hiện các phong trào thi đua sản xuất, tích cực tham gia xây dựng và giám sát thực hiện qui chế dân chủ cơ sở;

- Phối hợp chăm lo đời sống Người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền.

- Công đoàn phối hợp với Chính quyền lập Kế hoạch tổ chức CNVC-LĐ đi tham quan, nghỉ mát.

- Công đoàn đã tích cực hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, kịp thời hỗ trợ người lao động gặp khó khăn, xét cho vay không lãi suất 06 trường hợp để làm kinh tế phụ gia đình với tổng kinh phí 75 triệu đồng; tổ chức thăm hỏi đoàn viên, CNVC-LĐ khi ốm đau, gia đình có hữu sự. Hưởng ứng lời kêu gọi của Công đoàn Tổng Công ty Lương thực Miền Nam-CTCP “V/v phát động ủng hộ Quỹ phòng chống dịch Covid-19 và người dân bị hạn mặn” với số tiền 10 triệu đồng và hiện vật là 05 tấn gạo chuyển về Công đoàn Tổng Công ty. Bên cạnh đó tại địa phương tỉnh Long An, Công ty đã ủng hộ tặng 2,5 tấn gạo tặng cho TP.Tân An, các huyện lân cận và nước ngọt huyện Giồng Trôm - tỉnh Bến Tre, huyện An Phú Đông – tỉnh Tiền Giang để giúp đỡ người dân có hoàn cảnh khó khăn ổn định cuộc sống trong mùa dịch Covid-19 và quyên góp ½ ngày lương ủng hộ người dân miền Trung bị thiên tai với tổng số tiền 35 triệu đồng

Công đoàn phối hợp với Chính quyền hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình thương cho 01 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở huyện Đức Hòa với giá trị 50 triệu đồng.

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020			So cùng kỳ 2019(%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2020 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	520	549,578	105,69	131,389
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	13,2	13,275	100,57	103,549
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định	5,636	125,47	99,383
4	Tiền lương b/q	Tr đồng	7,791	7,628	97,91	98,515

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 gặp nhiều khó khăn: thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp khó lường, ngành hàng Lương thực tồn kho ít, giá gạo bắt đầu tăng từ lúc bùng phát dịch Covid-19 và hiện đứng ở mức cao, nguồn cung hạn hẹp, thị trường trầm lắng, khách hàng yêu cầu về chất lượng ngày càng cao; ngành hàng Cơ khí: chủ yếu là thực hiện các hợp đồng nhỏ lẻ và sửa chữa, doanh thu thấp nên việc làm của công nhân cơ khí không ổn định; ngành hàng Bê tông rủi ro về công nợ lớn và thị trường hiện nay bị thu hẹp do có quá nhiều trạm bê tông mới hình thành nên sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt đặc biệt là về giá bán; Mặt hàng Thủ công Mỹ nghệ tuy nhu cầu của khách hàng tương đối lớn, nhưng công nhân có tay nghề ngày càng bị thiếu hụt, khó thu tuyển nhất là lao động mới, với tốc độ đô thị hóa và việc chuyển diện tích lúa sang cây trồng khác nên nguyên liệu lúa non, rơm khô thu mua ngày càng khó đã làm cho sản lượng chưa đạt theo yêu cầu; mặt hàng Bao bì giá hạt nhựa liên tục biến động khó dự báo, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt về giá bán.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty luôn đoàn kết thống nhất vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định hướng của HĐQT Công ty, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức, chủ động phát huy mặt mạnh, khắc phục điểm yếu, cùng toàn thể CBCNV-NLĐ phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2021

+ Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	560	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	13,5	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo QĐ	
4	Tiền lương bình quân người LĐ	Tr đồng	7,792	

+ Các chỉ tiêu mua vào bán ra:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2021	GHI CHÚ
1	- Lương thực mua vào quy gạo:	Tấn	34.000	
	Trong đó : + Gạo các loại :	Tấn	33.250	
	+ Lúa các loại :	Tấn	1.500	
	- Lương thực bán ra quy gạo	Tấn	34.000	
1	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	4.500	
	+ Gạo Nội địa	Tấn	29.500	
	2	Bao bì (quy chuẩn 120 gr)	Triệu cái	10,000
3	Mỹ nghệ	Con't	24	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	20	
5	Bê tông	M ³	65.000	

+ Các giải pháp đối với các ngành hàng:

- Mặt hàng lương thực:

- Để đạt được kế hoạch trong năm 2021, Công ty phải tăng cường công tác tiếp thị, khai thác thị trường, đặc biệt là củng cố và phát triển thị trường gạo nội địa; đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng xuất khẩu trực tiếp; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường.

- Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty xác định thị trường nội địa là nền tảng kinh doanh bền vững và tiềm năng để tăng sản lượng, tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2021 và những năm tiếp theo, do đó cần chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng, tiếp cận hệ thống phân phối, cải tiến chất lượng sản phẩm nhất là khâu kiểm soát chất lượng gạo, công tác ATVSTP, cải tiến bao bì cho phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

- Thị trường xuất khẩu phải giữ được những thị trường, khách hàng hiện có, tìm kiếm thêm khách hàng mới và mở rộng thị trường nhiều hơn nữa để tăng sản lượng xuất khẩu.

Tìm kiếm khách hàng có đầu ra gạo xuất khẩu mạnh để quan hệ ký hợp đồng cung ứng xuất khẩu.

- Quản lý tốt chất lượng tại vùng nguyên liệu, công tác thu mua và chất lượng đầu vào, phân loại, cơ cấu hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động trong kinh doanh của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên từ Công ty đến Xí nghiệp.

- Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp đổi mới công nghệ chế biến từ máy móc thiết bị, kho tàng, nhà xưởng nhằm ổn định chất lượng và giảm chi phí sản xuất.

- Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:

Mặt hàng Mỹ nghệ: Tập trung nghiên cứu chế tạo thiết bị, công cụ hỗ trợ, đưa vào ứng dụng sản xuất một số công đoạn thay thế cho lao động thủ công nhằm tăng năng suất lao động và giải quyết thực trạng không thu tuyển được lao động để sản xuất trong những năm vừa qua. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời; quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản, tìm thêm nhà cung ứng lúa non để đảm bảo cung cấp nguyên liệu đủ cho sản xuất.

Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, cụ thể: giám sát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào như lúa non rơm vàng..., tăng tỷ lệ thu hồi sậy, tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm như: giảm lúa phé, rơm phé và tận dụng lúa phé, rơm phé làm shin, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào cũng như tiết kiệm điện năng trong quá trình sấy lúa, sấy sản phẩm. Xem đây làm nhiệm vụ hàng đầu năm 2021 để tiết giảm chi phí trong điều kiện khó tăng về sản lượng tiêu thụ trong khi chi phí mua lúa, rơm ngày càng tăng.

Mặt hàng Bao bì: Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phé phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

- Mạnh dạn đầu tư thay thế thiết bị máy dệt cũ bằng máy mới hiện đại để sản xuất sản phẩm đảm bảo đúng chất lượng, trọng lượng, giảm giá thành sản phẩm tăng tính cạnh tranh trên thương trường.

- Linh hoạt chọn thời điểm mua nguyên vật liệu với giá thấp nhất để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Bộ phận bán hàng cần tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo để tăng sản lượng bán ra.

- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông & VLXD:

Mặt hàng Cơ khí: Tiếp tục duy trì sản xuất đảm bảo thu nhập ổn định cho nhân công sản xuất trực tiếp nhất là đội ngũ công nhân lành nghề. Tiếp tục cải tiến mẫu mã, nâng cao tính năng và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Chú trọng đào tạo và đào tạo lại lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất. Có chính sách tiền lương hợp lý để giữ và thu tuyển công nhân có tay nghề cao vào làm việc nhằm đảm bảo sản xuất được ổn định và đảm bảo tiến độ giao hàng. Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán hàng, đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn

trong việc nâng cấp dây chuyền, thiết bị để nâng chất lượng gạo sản xuất ra ngày càng cao theo nhu cầu của thị trường.

Mặt hàng Bê tông – Vật liệu xây dựng: Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu. Do thị phần bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác mở rộng thêm các khu vực trong và ngoài tỉnh nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

Tăng cường công tác giám sát chất lượng, quảng cáo chào bán cọc bê tông và gạch không nung nhằm mở rộng thị phần tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Chú trọng đối với các công trình dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là các công trình của nhà nước để tiếp thị bán gạch không nung.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhìn chung năm 2020 là một năm đầy khó khăn, thách thức: Tình hình thiên tai diễn biến khó lường, dịch bệnh chưa có dấu hiệu dừng lại đã ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước và ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành nghề ngày càng gay gắt. Công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2020, để đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNV - NLĐ, vừa phải đề ra những biện pháp nhằm ổn định nguồn nhân lực, tái cơ cấu lao động, nâng cao năng suất lao động, tạo một bước chuyển biến mới để phát triển Công ty ngày càng bền vững. Trong năm 2020 mặc dù một số ngành hàng không đạt kế hoạch đề ra nhưng nhìn tổng thể Công ty hoàn thành 101% kế hoạch về lợi nhuận, đây là sự nỗ lực của toàn thể CNVLD Công ty đáng được biểu dương.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:

Năm 2020 tình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp khó lường ảnh hưởng trên phạm vi cả nước và toàn thế giới, hạn hán xâm nhập mặn xảy ra nhiều địa phương ở ĐBSCL đã tác động đến tâm lý tích trữ lương thực của người tiêu dùng cả nước. Trên thế giới các nước nhập khẩu lương thực tăng nhập khẩu để đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia làm cho giá cả lương thực tăng vọt.

Đối với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty: Ngành hàng lương thực tồn kho ít, giá gạo hiện đứng ở mức cao khó thu mua, nguồn cung hạn hẹp; ngành hàng Mỹ nghệ thì thiếu và khó tuyển lao động có tay nghề; ngành hàng cơ khí: chủ yếu là thực hiện các hợp đồng nhỏ lẻ và sửa chữa, doanh thu rất thấp nên việc làm của công nhân cơ khí không ổn định; ngành hàng bê tông rủi ro về công nợ lớn và thị trường hiện nay bị thu hẹp do có quá nhiều trạm bê tông mới hình thành nên sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt đặc biệt là về giá bán.

Trước tình hình khó khăn chung, Ban Tổng giám đốc Công ty đã luôn bám sát chủ trương định hướng của lãnh đạo Tổng Công ty, của HĐQT Công ty và tập thể Ban điều hành Công ty đoàn kết thống nhất, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức, chủ động phát huy mặt mạnh để phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2021, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2021 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 và các năm tiếp theo và phấn đấu đạt mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.
- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;
- Quan tâm, chia sẻ hài hòa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông và của người lao động trong Công ty;

V. Quản trị Công ty

5.1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 04 thành viên trực tiếp điều hành và 01 thành viên độc lập.

+ 01 thành viên độc lập:

Ông Võ Hùng Dũng Ủy viên

+ 04 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Nguyễn Văn Kiệt Chủ tịch

Bà Nguyễn Thị Hoài Ủy viên

Ông Lê Trường Sơn Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiên Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	2.169.880	20,133%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Ông Lê Trường Sơn	1.107.439	10,275%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 10%
Ông Nguyễn Bình Hiên	1.114.148	10,337%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 10%
Ông Võ Hùng Dũng	-	-	
Bà Nguyễn Thị Hoài	2.155.600	20%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Tổng cộng	6.547.067	60,745%	

Cổ phần thuộc vốn tập thể và cá nhân khác 4.231.313 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,255% vốn điều lệ.

- Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	4/4	100 %	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT-TGD	4/4	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiên	UV HĐQT-PTGD	4/4	100 %	
4	Nguyễn Thị Hoài	UV HĐQT	4/4	100 %	
5	Võ Hùng Dũng	UV HĐQT	4/4	100 %	

b. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020 và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo

tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

-Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đóng góp ý kiến trong cuộc họp về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020 và Nghị quyết của HĐQT.

-Thành viên HĐQT độc lập đóng thực hiện vai trò giám sát, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ.

5.2. Ban kiểm soát

5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Bà Hoàng Thị Liên	TBKS	20.208	0,187	
2	Bà Lê Thị Hồng Nhung	TV BKS	0	0	
3	Ông Trần Vĩnh Thanh	TV BKS	0	0	

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 trước và sau

kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020.

Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2020, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2020. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/BanKiểm soát.

a. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):

Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 2.100.000 đồng.

b. Giao dịch của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	

VI. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đăng tải trên website www.mecofood.com.vn, trang thông tin cổ đông)

6.1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKMG. Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

Trách nhiệm của kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 4/3/2020

6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		108.538.503.715	129.871.579.193
Tiền	110	5	7.876.565.088	5.564.316.399
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.705.465.265	34.210.550.636
Phải thu của khách hàng	131	6	35.636.001.193	34.693.748.930
Trả trước cho người bán	132	7	16.021.800	7.574.223.500
Phải thu ngắn hạn khác	136		371.359.272	521.064.881
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(1.317.917.000)	(8.578.486.675)
Hàng tồn kho	140	9	65.956.473.362	90.096.712.158
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240)	200		49.611.339.710	51.235.661.184
Các khoản phải thu dài hạn	210		90.200.000	90.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		90.200.000	90.200.000
Tài sản cố định	220		45.050.469.235	45.592.211.984
Tài sản cố định hữu hình	221	10	45.050.469.235	45.592.211.984
Nguyên giá	222		120.476.329.502	114.962.353.393
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.425.860.267)	(69.370.141.409)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		737.803.229	737.803.229
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(737.803.229)	(737.803.229)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.470.670.475	5.553.249.200
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	11	4.301.382.664	4.410.360.967
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	169.287.811	1.142.888.233
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		158.149.843.425	181.107.240.377

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		38.042.673.823	62.264.972.331
Nợ ngắn hạn	310		37.772.673.823	61.901.972.331
Phải trả người bán	311	13	12.191.005.942	11.576.986.945
Người mua trả tiền trước	312	14	6.125.710.980	7.910.779.130
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	1.012.616.102	1.566.345.444
Phải trả người lao động	314		4.183.801.931	3.255.669.586
Chi phí phải trả	315	16	155.789.093	217.450.355
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	844.538.996	841.199.728
Vay ngắn hạn	320	18	11.719.892.176	35.842.829.574
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	783.533.543	374.811.909
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	755.785.060	315.899.660
Nợ dài hạn	330		270.000.000	363.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	270.000.000	363.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		120.107.169.602	118.842.268.046
Vốn chủ sở hữu	410	21	120.107.169.602	118.842.268.046
Vốn cổ phần	411	22	107.778.380.000	107.778.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.778.380.000	107.778.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(31.818.182)	(31.818.182)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.947.812.066	965.585.066
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.412.795.718	10.130.121.162
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		53.123.322	15.349.660
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.359.672.396	10.114.771.502
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		158.149.843.425	181.107.240.377

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020
Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	549.295.981.323	416.778.843.656
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.488.101.939	65.674.502
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	546.807.879.384	416.713.169.154
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	492.187.966.945	362.931.245.110
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		54.619.912.439	53.781.924.044
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	330.233.821	247.424.075
Chi phí tài chính	22	27	2.106.957.724	4.426.862.296
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.978.195.556	4.393.004.865
Chi phí bán hàng	25	28	17.895.135.525	14.916.230.697
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	23.555.891.794	23.034.962.897
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.392.161.217	11.651.292.229
Thu nhập khác	31	30	2.439.838.380	1.324.079.549
Chi phí khác	32		557.120.793	155.000.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.882.717.587	1.169.079.549
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) – mang sang trang sau	50		13.274.878.804	12.820.371.778

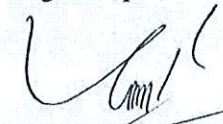
Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

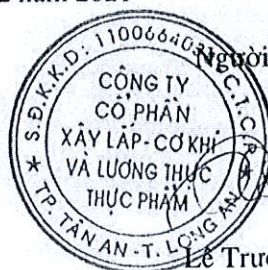
	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) – mang sang từ trang trước	50		13.274.878.804	12.820.371.778
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.804.806.408	2.595.200.276
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.470.072.396	10.225.171.502
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	815	775

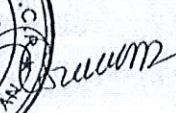
Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:


 Trần Thị Phương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




 Lê Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020(Theo phương pháp gián tiếp)

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		13.274.878.804	12.820.371.778
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.735.718.858	6.774.860.135
Các khoản dự phòng	03		907.032.651	1.116.803.861
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.451.702	2.369.106
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(200.545.456)	(165.813.094)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(51.583.692)	(35.994.926)
Chi phí lãi vay	06		1.978.195.556	4.393.004.865
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.655.148.423	24.905.601.725
Biến động các khoản phải thu	09		(912.228.531)	7.944.821.742
Biến động hàng tồn kho	10		19.810.380.503	(16.158.274.468)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(1.843.415.206)	(8.777.819.361)
			39.709.885.189	7.914.329.638
Lãi vay đã trả	13		(1.978.195.556)	(4.393.004.865)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.004.200.276)	(2.501.074.402)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		982.227.000	3.413.036.782
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.415.895.617)	(2.524.824.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.293.820.740	1.908.462.740
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(781.539.091)	(1.552.552.600)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		200.545.456	252.596.364
Tiền thu lãi tiền gửi	27		51.583.692	35.994.926
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(529.409.943)	(1.263.961.310)

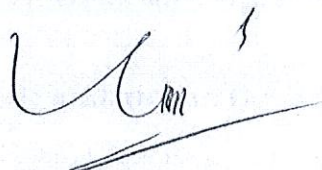
Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		239.158.422.053	329.597.952.568
Tiền trả nợ gốc vay	34		(263.281.359.451)	(319.053.584.049)
Cổ tức đã trả	36		(7.328.929.840)	(7.199.595.784)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.451.867.238)	3.344.772.735
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.312.543.559	3.989.274.165
Tiền đầu năm	60		5.564.316.399	1.575.070.024
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(294.870)	(27.790)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	7.876.565.088	5.564.316.399

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Kiệt